**Khoa học**

**ĐẶC ĐIỂM CỦA CHẤT Ở TRẠNG THÁI RẮN, LỎNG, KHÍ.**

**SỰ BIẾN ĐỔI TRẠNG THÁI CỦA CHẤT (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

Năng lực nhận thức khoa học tự nhiên:

+ Nêu được ở mức độ đơn giản một số đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí.

+ Trình bày được ví dụ về biến đổi trạng thái của chất.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực, chủ động tìm hiểu về sự biến đổi trạng thái của chất trong đời sống.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Trình bày được ví dụ về biến đổi trạng thái của chất.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia nhiệm vụ nhóm, chia sẻ, trình bày kết quả nhóm

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- SGK và các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV tổ chức trò chơi “Ai tinh mắt”.  + GV đưa ra bảng ô chữ chủ đề Chất, yêu cầu HS tìm ra các từ có nghĩa trong bảng.  + Ai có câu trả lời đúng và nhanh nhất sẽ được thưởng.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | T | R | A | N | G | T | H | A | I | | H | Ă | T | L | O | N | G | N | K | | A | N | C | O | K | H | I | T | T | | S | Ư | B | I | Ê | N | Đ | Ô | I |   - GV nhận xét, khen ngợi HS tham gia trò chơi.  - GV dẫn dắt vào bài học mới: *Sự biến đổi trạng thái của chất là gì? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu ở* bài học ngày hôm nay: “Bài 4 – Đặc điểm của chất ở trạng thái rắn, lỏng, khí. Sự biến đổi trạng thái của chất – Tiết 2”. | - Cả lớp tham gia trò chơi   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | ***T*** | ***R*** | ***A*** | ***N*** | ***G*** | ***T*** | ***H*** | ***A*** | ***I*** | | *H* | ***Ă*** | *T* | ***L*** | ***O*** | ***N*** | ***G*** | *N* | *K* | | *A* | ***N*** | *C* | *O* | ***K*** | ***H*** | ***I*** | *T* | *T* | | ***S*** | ***Ư*** | ***B*** | ***I*** | ***Ê*** | ***N*** | ***Đ*** | ***Ô*** | ***I*** |   - 5 từ khóa*: sự biến đổi, trạng thái, rắn, lỏng, khí.*  - HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động khám phá***:* | |
| **Hoạt động khám phá 1. Sự biến đổi trạng thái của cồn.**  - GV yêu cầu HS tiến hành làm thí nghiệm, thảo luận nhóm 4:  GV lưu ý: Cẩn thận khi làm thí nghiệm với lửa, không chạm tay vào vật nóng.  - Quan sát và nhận xét sự biến đổi trạng thái của nến vụn dưới tác dụng của nhiệt?  - Khi tắt nến, để nguội bát sứ thì trạng thái của nến như thế nào?  - GV nhận xét các nhóm.  - GV: Nến chuyển từ trạng thái rắn (hình 8a) sang trạng thái lỏng (hình 8b) khi được đun nóng. Khi bát sứ nguội dần, nến từ trạng thái lỏng chuyển về trạng thái rắn (hình 8c).  **Hoạt động khám phá 2. Sự biến đổi trạng thái của cồn.**  - GV tổ chức cho HS nhắc lại sự bay hơi của nước đã học ở lớp 4.  - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm 4 đọc thông tin và mô tả sự biến đổi của cồn trong quá trình sử dụng vào phiếu học tập.  - GV nhận xét các nhóm, kết luận. | - HS tiến hành thí nghiệm theo nhóm 4.  - Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả quan sát, các nhóm khác đặt câu hỏi, nhận xét và bổ sung.  - Dưới tác dụng của nhiệt, nến đã chuyển từ trạng thái rắn sang lỏng.  - Khi tắt nến, để nguội bát sứ thì nến chuyển từ trạng thái lỏng sang rắn.  - HS lắng nghe và ghi nhớ kiến thức.  - Dưới tác dụng của nhiệt độ, nước sẽ bị bay hơi vào không khí.  - HS đọc thông tin và mô tả sự biến đổi của cồn bằng phiếu học tập.  - Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận.  - Cồn chuyển từ trạng thái lỏng sang trạng thái khí trong quá trình sử dụng vì cồn là chất dễ bay hơi. |
| **Hoạt động khám phá 2. Sự biến đổi trạng thái của chất trong cuộc sống hằng ngày**  **- GV tổ chức trò chơi “Nhà Khoa học nhí”**  **- Chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm sẽ được phát một tờ giấy trắng.**  **- Trong thời gian 3 phút, các nhóm sẽ thi nhau viết vào phiếu các chất ở ba thể khác nhau hoặc tên các chất có thể chuyển từ thể này sang thể khác.**  **- GV nhận xét, tuyên dương.** | - HS tham gia trò chơi.  - Các nhóm dán phiếu của mình lên bảng, mỗi nhóm cử một đại diện trình bày kết quả.  Ví dụ: - Làm nước đá (chuyển từ thể lỏng sang thể rắn).  - Làm đồ dùng bằng thủy tinh (Chuyển từ thể lỏng sang thể rắn)/  - Đun bơ ( Từ thể rắn sang thể lỏng) |
| **3. Hoạt động luyện tập.** | |
| *-* Chiếu lên thành phần của nước rửa tay (được làm chủ yếu từ cồn)  - Vì sao người ta sử dụng cồn là thành phần chính trong nước rửa tay khô?  - GV cho HS quan sát tranh kết hợp đọc thông tin SGK.  - Vì sao trong tương lai gấu Bắc Cực có thể không còn nơi để sinh sống?  - GV nhận xét. | - Cồn là chất lỏng dễ bay hơi nên nhanh chóng chuyển từ trạng thái lỏng sang trạng thái khí. Vì vậy, tay sẽ nhanh khô khi sử dụng nước rửa tay khô.  - HS quan sát tranh và đọc thông tin.  - Khi môi trường ô nhiễm, nhiệt độ trung bình của Trái Đất tăng lên làm băng tan ra. Quá trình băng chuyển từ trạng thái rắn sang trạng thái lỏng làm môi trường sống của gấu Bắc Cực (là băng) dần biến mất. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.** | |
| - GV mời HS chia sẻ về cách em có thể làm để bảo vệ môi trường, hạn chế làm Trái Đất nóng lên, bảo vệ môi trường sống của gấu Bắc Cực.  - GV nhận xét tuyên dương.  - Nhận xét sau tiết dạy.  - Dặn dò về nhà. | - Học sinh tham gia chia sẻ về những việc làm bảo vệ môi trường: tái chế đồ dùng làm bằng nhựa.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**